

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÔN ĐẢO
TỈNH BÀ RỊA - VNG TÀU
Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày: 03-4-2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA-VNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Hậu
Ông Trần Văn Thanh
- Thư ký phiên toà: Bà Lưu Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vng Tàu.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Bùi Hữu Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trương Văn Ph, sinh năm: 1993 tại Kiên Giang; Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Đi biển; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông: Trương Văn S và bà Nguyễn Kim N (đã chết); Vợ: Vũ Thị Minh C và có 01 con sinh năm 2014; Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có ba chị em; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 24/11/2023, chuyển tạm giam từ ngày 03/12/2023 đến nay, (Có mặt).

2. Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1991 tại Kiên Giang; Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Đi biển; Trình độ văn hoá: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông: Nguyễn Văn L và bà Thái Thị Phương H; Vợ và con: Chưa có; Bị cáo là con thứ hai trong gia

đình có ba anh em; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 24/11/2023, chuyển tạm giam từ ngày 03/12/2023 đến nay, (Có mặt).

3. Danh H, sinh năm: 1999 tại Kiên Giang; Hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang; Nơi tạm trú: Hẻm 33/44 Đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố 2, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Hẻm 33/44 Đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố 2, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Đi biển; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Khơ me; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông: Nguyễn Ngọc M (đã chết) và Thị T; Vợ và con: Chưa có; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có ba anh em; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 24/11/2023, chuyển tạm giam từ ngày 03/12/2023 đến nay, (Có mặt).

- *Bị hại*: Ông Võ Tấn T2, sinh năm 1976 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 217/2 Khu phố H, xã C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Kim Văn H2, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 6, huyện Huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 6, huyện Huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Ông Phạm Hoàng V, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 23/11/2023, cặp tàu cá BV 95988 TS và BV 99588 TS hành nghề lưới cào đôi đang neo đậu tại khu vực bãi Dương thuộc Hòn Bảy Cạnh, huyện Huyện C. Trương Văn Ph, Nguyễn Ngọc T (là thuyền viên tàu cá BV 99588 TS) và Danh H (là thuyền viên tàu cá BV 95988 TS) cùng một số thuyền viên trên hai tàu cá ngồi ăn uống (nhậu) sau đuôi tàu cá BV 95988 TS. Đến khoảng 15 giờ 00 cùng ngày, Ph rủ T lấy trộm mực khô trên tàu cá BV 95988 TS bán lấy tiền để vào Trung tâm huyện Huyện C nhậu, T đồng ý; Ph tiếp tục rủ H tham gia, H đồng ý. Sau đó, Ph, H đi đến hầm số 04 mở nắp hầm nhảy xuống dưới, T đứng ở trên. Ph, H lấy 01 (một) cây mực khô (cá mực nhiều kích thước khác nhau) đưa lên cho T, T ôm cây mực khô đi ra mạn tàu thì thấy đồ của ông Kim Văn H2 đang cập sát tàu cá BV 95988 TS. T ném cây mực khô xuống đồ ông H2 rồi vào nhậu tiếp, còn Ph nhảy xuống đồ ông H2 hỏi có mua mực không, ông H2 đồng ý mua với giá 400.000đồng/01kg. Ph cân cây mực được 35kg, ông H2 trả cho Ph số tiền

14.000.000đồng (Mười bốn triệu đồng). Sau khi bán mực, Ph rủ T, H cùng Ngô Đình N, Phạm Hoàng V, Phạm Trà M, Nguyễn Hoài L và Lai Minh T3 vào Trung tâm huyện Huyện C nhậu. N hỏi Ph “tiền đâu để đi?”, Ph trả lời “người nhà mới gửi ra” rồi đưa cho N khoảng 3.000.000đồng (từ số tiền bán mực). Có tiền, T, N, V, M gọi đồ vào Trung tâm huyện Huyện C rồi thuê xe sang Bến Đầm thuộc khu dân cư số 10 nhậu trước. N dùng tiền Ph đưa để trả tiền đi lại, ăn nhậu cho cả nhóm. Khoảng 01 tiếng sau, Ph cùng H, L, T3 gọi đồ vào Trung tâm huyện Huyện C và đi đến cảng Bến Đầm nhậu cùng nhóm của N. Ph đã sử dụng toàn bộ số tiền bán mực còn lại để trả tiền thuê đồ, đi lại, ăn nhậu.

Sau khi mua được 35kg mực khô, ông H2 mang về nhà đưa cho vợ là bà Nguyễn Thị Th để bán lại. Bà Th đã bán 25,5kg được số tiền 10.200.000đồng, còn lại 9,5kg. Ông H2 đã giao nộp số tiền bán mực là 10.200.000đồng và 9,5kg mực khô còn lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Huyện C để phục vụ điều tra (BLĐT: 160 - 171, 175 - 184, 188 - 194, 202 - 208).

Ngày 24/11/2023, phát hiện bị mất tài sản, ông Võ Tấn T2 làm tài công tàu cá BV 95988 TS và quản lý tài sản trên hai tàu cá đến cơ quan công an trình báo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Huyện C tiến hành mời toàn bộ số thuyền viên trên 02 (hai) tàu cá BV 99588 TS và BV 95988 TS về làm việc. Tại cơ quan điều tra, Trương Văn Ph, Nguyễn Ngọc T và Danh H thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên (BL: 04,05, 160-171, 175-184, 188-194, 209-235).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 30/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Huyện C kết luận: 35kg mực khô với nhiều kích thước khác nhau có tổng giá trị **17.150.000đồng** (BLĐT: 114 - 128).

** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:* Ngày 24/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Huyện C lập biên bản tạm giữ 9,5kg mực khô, số tiền 10.200.000đồng do ông Kim Văn H2 giao nộp (BLĐT: 112 - 113).

** Về xử lý vật chứng:*

Quá trình điều tra xác định tàu cá BV 95988 TS và BV 99588 TS do bà Cao Thị Kim Ng đứng tên đăng ký chủ sở hữu hành nghề cào đoi. Bà Ng giao ông Võ Tấn T2 làm tài công tàu cá BV 95988 TS và quản lý tài sản trên hai tàu cá trong quá trình khai thác thủy sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 35/QĐ-CQĐT trả số tiền 10.200.000đồng và 9,5kg mực khô cho bà Cao Thị Kim Ng, bà Ng không có yêu cầu khác. Ngày 05/12/2023, bà Ng ủy quyền cho bà Cao Thị Th thay bà Ng nhận lại tài sản. Ngày 26/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập biên bản trả số tiền 10.200.000đồng và 9,5kg mực khô cho bà Th (BLĐT: 129 - 138, 198).

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Võ Tấn T2 không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

* Đối với số tiền 14.000.000đồng ông Kim Văn H2 trả cho Trương Văn Ph để mua 35kg mực, Ph đã sử dụng để trả tiền ăn nhậu, đi lại cho các thuyền viên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được. Anh Phạm Hoàng V - thuyền viên tàu cá BV 95988 TS đã thay Ph, T, H bồi thường cho ông H2, anh V không yêu cầu Ph, T, H phải trả lại số tiền này. Ông H2 đã nhận đủ số tiền 14.000.000đồng và không có yêu cầu khác (BLĐT: 201, 214 - 215).

* Đối với ông Kim Văn H2, quá trình điều tra xác định khi mua mực khô của Trương Văn Ph không biết đây là tài sản do trộm cắp được mà có. Do vậy, không có căn cứ để xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

* Đối với Phạm Hoàng V, Nguyễn Hoài L, Phạm Trà M, Lai Minh T3, Ngô Đình N được Trương Văn Ph rủ đi nhậu tại Cảng Bến Đầm. Riêng N được Ph đưa cho số tiền khoảng 3.000.000đồng để lo chi phí thuê đồ, đi lại. Qua điều tra xác định khi đưa tiền cho N, Ph nói là tiền gia đình gửi ra. V, L, M, T3, N không biết đây là tiền do Ph cùng với T, H trộm cắp mực khô bán được mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Huyện C không xem xét xử lý.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKSCĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố Trương Văn Ph, Nguyễn Ngọc T và Danh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Các bị cáo Trương Văn Ph, Nguyễn Ngọc T và Danh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17 và **Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt** bị cáo Trương Văn Ph mức án từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17 và **Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt** bị cáo Nguyễn Ngọc T mức án từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17 và **Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt** bị cáo Danh H mức án tù 04 (bốn) tháng đến 06 (sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết xong nên không xét đến.

Các bị cáo nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Côn Đảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, tang vật đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng truy tố. Từ đó có đủ cơ sở kết luận: Hồi 15 giờ ngày 23/11/2023, khi tàu cá BV 95988 TS đang neo đậu tránh gió tại khu vực bãi Dương thuộc hòn Bảy Cạnh, huyện Huyện C, lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản là ông Võ Tấn T2 (tài công), các bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp 35kg mực khô trị giá 17.150.000 đồng (Mười bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy, hành **vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự**. Do đó, khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân và làm mất an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm để không chỉ có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo mà còn mang tính phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. **Trong vụ án này, bị cáo Ph là người đóng vai trò**

chính, khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác, trực tiếp cùng bị cáo H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; là người bán và nhận tiền bán tài sản từ ông Kim Văn H2. Bị cáo H tuy không phải là người khởi xướng nhưng thực hiện hành vi phạm tội rất tích cực, tham gia cùng bị cáo Ph trộm cắp tài sản; Bị cáo T không trực tiếp lấy tài sản nhưng là người giúp sức tích cực cho các bị cáo khác và đem tài sản chiếm đoạt được đưa xuống đò cho ông H2 để bị cáo Ph bán tài sản chiếm đoạt được cho ông H2 nên cả hai bị cáo có vai trò ngang nhau, đứng thứ hai sau bị cáo Ph.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: **Không có.**

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H là người dân tộc thiểu số và không biết chữ nên nhận thức pháp luật bị hạn chế, do vậy cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về hình phạt: Căn cứ **tính chất, mức độ hành vi phạm tội**, đặc điểm nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo xét thấy cần xử phạt bị cáo Ph mức án cao nhất, bị cáo T mức án thấp hơn bị cáo Ph nhưng cao hơn bị cáo H. Xét về điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo H được hưởng, xét thấy áp dụng **Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử bị cáo H mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.**

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có việc làm thu nhập ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Võ Tấn T2 không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự; Ông Phạm Hoàng V đã thay các bị cáo trả cho ông Kim Văn H2 số tiền mua mực 14.000.000đồng, ông V không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền này cho ông nên không xét đến.

[9] Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong nên không xét đến.

[10] Về các vấn đề khác:

* Đối với ông Kim Văn H2, quá trình điều tra xác định khi mua mực khô của Trương Văn Ph không biết đây là tài sản do trộm cắp được mà có. Do vậy, không có căn cứ để xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

* Đối với Phạm Hoàng V, Nguyễn Hoài L, Phạm Trà M, Lai Minh T3, Ngô Đình N được Trương Văn Ph rủ đi nhậu tại Cảng Bến Đầm. Riêng N được

Ph đưa cho số tiền khoảng 3.000.000đồng để lo chi phí thuê đồ, đi lại. Qua điều tra xác định khi đưa tiền cho N, Ph nói là tiền gia đình gửi ra. V, L, M, T3, N không biết đây là tiền do Ph cùng với T, H trộm cắp được mà bán được mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Huyện C không xem xét xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trương Văn Ph, Nguyễn Ngọc T và Danh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; **Điều 38** và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trương Văn Ph 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 24/11/2023.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; **Điều 38** và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 24/11/2023.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; **Điều 38; Điều 54** và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt: Bị cáo Danh H mức hình phạt tù bằng thời hạn tạm giam **04 (bốn) tháng 12 (mười hai) ngày tù (tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày 03/4/2024), bị cáo đã chấp hành xong.**

Áp dụng Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Danh H tại phiên tòa ngay sau khi tuyên án, nếu bị cáo Danh H không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trương Văn Ph, Nguyễn Ngọc T và Danh H mỗi người phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nH:

- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- PV 06 CA tỉnh BR-VT;
- PC 10 CA tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Huyện C;
- Công an huyện Huyện C;
- Chi Cục THADS huyện Huyện C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung